|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN HÀ ĐÔNG**  **TRƯỜNG THCS DƯƠNG NỘI**    Số:……./BC-THCSDN | **CỘNG HOÀ PHƯỜNG HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Đông, ngày……tháng……năm 2024* |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

# VỀ VIỆC CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU, CHI TÀI CHÍNH

*(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

**1. Tên cơ sở giáo dục**

Tên trường: Trường THCS Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

**2. Địa chỉ**

* Địa chỉ: Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
* Điện thoại: 0911633636

Website: https://c2duongnoi.edu.vn/

Email: c2duongnoi-hadong@hanoiedu.vn

**3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ:**

- Loại hình: Công lập.

- Cơ quan chủ quản: UBND quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Chức năng, nhiệm vụ:

+ Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở.

+ Thực hiện công tác phổ cập, xóa mù chữ cấp THCS tại đơn vị phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

1. **Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục** 
   1. ***Sứ mệnh:***

- Giáo dục và rèn luyện học sinh trở thành những công dân tương lai: mạnh về thể chất, sáng về trí tuệ, giàu có về tâm hồn, có kỹ năng sống tốt, biết tự học, có tinh thần trách nhiệm và nỗ lực sáng tạo không ngừng

- Tạo dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, kỉ cương, chăm sóc để phát huy phẩm chất riêng.

* 1. ***Tầm nhìn:***

Trường THCS Dương Nội là một trường chuẩn mực và năng động, nơi học sinh, cán bộ, giáo viên, công nhân viên luôn có khát vọng học tập suốt đời, biết tư duy độc lập và sáng tạo để nâng cao giá trị bản thân, góp phần xây dựng quê hương Hà Đông giàu đẹp.

* 1. ***Mục tiêu:***

**-** Giáo dục và rèn luyện học sinh trở thành những công dân tương lai mạnh về thể chất, sáng về trí tuệ, giàu có về tâm hồn, có kỹ năng sống tốt, biết tự học, có tinh thần trách nhiệm và nỗ lực sáng tạo không ngừng tạo dựng cuộc sống tương lai và góp phần xây dựng quê hương đất nước.

**-** Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường bảo đảm yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở (sau đây gọi là chương trình) linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và nhà trường.

**-** Phát huy tính chủ động, sáng tạo của Ban Giám hiệu, tổ chuyên môn và giáo viên trong việc thực hiện chương trình; khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện các phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

**-** Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường; bảo đảm tính dân chủ, thống nhất giữa các tổ chuyên môn và các tổ chức đoàn thể, phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

***5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục***

Trường THCS Dương Nội tiền thân là trường phổ thông cấp 2 Dương Nội ra đời tháng 9/1966. Khi mới thành lập nhà trường chỉ có vẻn vẹn 3 lớp 5, 2 lớp 6 với hơn 200 học sinh, các lớp học phải ở nhờ nhà dân rất chật chội, bàn ghế thiếu thốn. Đến năm 1971, do số lượng học sinh đã nhiều hơn trước nên trường rời địa điểm học từ nhà dân ra khu đất của trường hiện nay. Trải qua 50 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Trường THCS Dương Nội từ chỗ phải học nhờ, học tạm thời kỳ đầu thành lập, nay đã có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đạt chuẩn Quốc gia mức độ I vào năm 2008. Với phương châm *“Dù khó khăn đến đâu cũng phải cố gắng dạy tốt, học tốt”*, thầy và trò Trường THCS Dương Nội đã gặt hái được những thành công nhất định.

 Từ mái trường này đã có rất nhiều học sinh tốt nghiệp ra trường, trở thành những chiến sỹ dũng cảm, đi đầu trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, lao động sản xuất, nhiều người trở thành nghệ sỹ nhân dân, những doanh nhân, kỹ sư hay các nhà giáo ưu tú, thầy thuốc và cán bộ chủ chốt của các Bộ, ngành từ TW đến địa phương. Đây cũng là niềm tự hào của các thầy cô giáo và là tấm gương sáng cho các thế hệ học sinh nhà trường noi theo.

Kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp đó, đến nay thầy và trò trường THCS Dương Nội luôn cố gắng nỗ lực thực hiện tốt chất lượng dạy và học. Đặc biệt, 03 năm liền trường đạt giải nhì Quốc gia về cuộc thi Thiết kế giáo án tích hợp nhiều môn học. Bên cạnh thành tích của các thầy cô giáo, các em học sinh nhà trường cũng đạt được nhiều giải trong các kỳ thi cấp quận, cấp thành phố. Năm học 2015-2016, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực khá, giỏi của Trường THCS Dương Nội chiếm tới 85%.

Là người dân Việt Nam chúng ta không thể nào quên truyền thống “ Uống nước nhớ nguồn – Tôn sư trọng đạo” mà ông cha ta đã truyền dạy từ bao đời nay. “ Không thầy đố mày làm nên…”. Chính thầy giáo, cô giáo là những người cần mẫn chèo lái con thuyền đưa từng lứa học sinh cập bến bờ tri thức. Thầy cô giữ một vị trí quan trọng đó là “ Kỹ sư tâm hồn – Vườn ươm thế hệ tương lai!”.

**6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.**

* Người đai dị ên pháp luật: Bà Hoàng Thị Thu Trinh.
* Chức vụ: Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng.
* Địa chỉ nơi làm việc: Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
* Số điện thoại: 0911633636.
* Website: https://c2duongnoi.edu.vn/
* Email: c2duongnoi-hadong@hanoiedu.vn

1. **Tổ chức bộ máy:** 
   1. ***Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):***

Quyết định số ……/QĐ-UB ngày …../……/…… của UBND quận Hà Đông về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Dương Nội.

* 1. ***Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường:***
* Hội đồng trường THCS Dương Nội nhiệm kỳ 2024 – 2029 được công nhận theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020 TTBGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT), Hội đồng trường nhiệm kì 2024 – 2029 được công nhận theo Quyết định số 242/QĐ-PGDĐT ngày 24/10/2024 của Trưởng phòng GD&ĐT quận Hà Đông.
* Hội đồng trường gồm 11 thành viên sau:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Bà Hoàng Thị Thu Trinh | Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng |
| 2. Ông Nguyễn Khả Tuấn | Phó Bí thư chi bộ - Phó hiệu trưởng |
| 3. Bà Hoàng Thị Kim Oanh | Phó hiệu trưởng - Chủ tịch công đoàn |
| 4. Ông Nguyễn Anh Tuấn | Trưởng ban TTND – Thư ký |
| 5. Bà Bùi Thị Thanh Hương | Tổ trưởng tổ Tự nhiên |
| 6. Bà Vũ Thị Diệu | Tổ trưởng tổ Xã hội |
| 7. Bà Nguyễn Thị Thu Trang | Tổ trưởng tổ Văn phòng |
| 8. Bà Ngô Thị Hương Giang | Bí thư Đoàn thanh niên |
| 9. Bà Nguyễn Thị Thúy | Ban đại diện cha mẹ học sinh trường |
| 10. Bà Trần Ngọc Mai | Công chức UBND phường Dương Nội |
| 11. Em Nguyễn Quỳnh Chi | Học sinh lớp 8A11 |

***7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cơ sở giáo dục:***

* Hiệu trưởng: Hoàng Thị Thu Trinh

+ Ngày tháng năm sinh: 28/04/1969.

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Dương Nội từ ngày 01/6/2024 theo Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 08/05/2024 của Chủ tịch UBND quận Hà Đông.

* Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Khả Tuấn.

+ Ngày, tháng, năm sinh: 23/6/1978

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Dương Nội từ ngày 05/02/2025 theo Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của Chủ tịch UBND quận Hà Đông.

* Phó Hiệu trưởng: Hoàng Thị Kim Oanh

+ Ngày, tháng, năm sinh: 15/11/1972

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Dương Nội từ ngày 20/04/2024 theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 20/04/2024 của Chủ tịch UBND quận Hà Đông.

***7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy:***

*7.4.1. Cơ chế hoạt động của Trường THCS Dương Nội:*

- Xây dựng quy hoạch phát triến nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

* Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thấm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;
* Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;
* Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác phường hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*7.4.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:*

* Trường THCS Dương Nội được thành lập theo Quyết định số …../QĐ-UBND ngày …../…../…… của UBND quận Hà Đông.
* Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một Trường THCS trọng điểm của địa bàn phường Dương Nội và các phường xã lân cận .
* Trường THCS Dương Nội là cơ sở giáo dục bậc THCS của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND quận ̣ Hà Đông.
* Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-phường hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.
* Xây dựng và tổ chức thực hiện KHGD của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GDĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tố chức và cá nhân trong các HĐGD.
* Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GDĐT.
* Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
* Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
* Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
* Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho HĐGD theo quy định của Pháp luật.
* Quản lý, sử dụng và bảo quản CSVC, trang thiết bị theo quy định của Pháp luật.
* Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định CLGD theo quy định của Bộ GDĐT.
* Thực hiện công khai về cam kết CLGD, các điều kiện bảo đảm CLGD và thu, chi tài chính theo quy định của Pháp luật.
* Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và phường hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của Pháp luật.
* Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Pháp luật.
* **Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên;

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng;

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng;

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường); + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 21 đảng viên;

+ Tổ chức Công đoàn có 79 công đoàn viên.

## 8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định, như: Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; các Nghị quyết của Hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính… (có văn bản kèm theo).

**II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

1. **Số viên chức được UBND quận Hà Đông giao năm 2024 – 2025**

Số viên chức được giao năm 2024: 65

- Số viên chức hiện có: 52, trong đó:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo | | | Ghi chú |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 |  |
| Phó Hiệu trưởng | 2 | 1 | 0 | 0 | 2 | 0 |  |
| Giáo viên | 44 | 41 | 2 | 0 | 44 | 0 |  |
| Nhân viên | 5 | 4 | 1 | 2 | 3 | 0 |  |
| Tổng | 52 | 47 | 3 | 2 | 50 | 0 |  |

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của nhà trường năm học 2024 -2025.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Diễn giải | Ban Giám hiệu | Giáo viên | Nhân viên | Bảo vệ | Phục vụ | Tổng toàn trường | Ghi chú |
| Số lượng | 3 | 75 | 7 | 3 | 3 | 91 |  |
| Trong đó | | | | | | | |
| Biên chế | 3 | 44 | 5 | 0 | 0 | 52 |  |
| Hợp đồng | 0 | 31 | 02 | 3 | 3 | 39 | 1 HĐ68 |
| Nữ | 2 | 65 | 5 | 0 | 3 | 77 |  |
| Đảng viên | 3 | 18 | 0 | 0 | 0 | 21 |  |
| Dân tộc thiểu số | 0 | 2 | 1 | 0 | 0 | 3 |  |
| Nữ DT thiểu số | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 2 | Tày, Mường |
| Độ tuổi TB | 51 | 39 | 43 | 60 | 56 | 49,8 |  |
| **Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ** | | | | | | | |
| Trên Đại học | 1 | 3 | 0 | 0 | 0 | 4 |  |
| Đại học | 2 | 70 | 5 | 0 | 0 | 77 |  |
| Cao đẳng | 0 | 2 | 1 | 0 | 0 | 3 |  |
| Trung cấp | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 |  |
| **Số lượng GVDG qua một số năm gần đây** | | | | | | | |
| Cấp Quận | 3 | 22 | 0 | 0 | 0 | 25 |  |
| Cấp Thành phố | 2 | 1 | 0 | 0 | 0 | 3 |  |
| Số lượng CSTĐ cấp cơ sở trở lên | 3 | 23 | 0 | 0 | 0 | 26 |  |

- Đoàn thể

+ Chi bộ: Cấp ủy : 03 đồng chí ; Tổng số đảng viên : 21

+ Công đoàn

BCH Công đoàn: 5 đồng chí

Công đoàn viên: 79 đồng chí

- Số tổ (nhóm): 03; Trong đó:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tổ chuyên môn | Số lượng | Tổ trưởng | Ghi chú |
| 1 | Tổ KHTN | 37 | Bùi Thị Thanh Hương |  |
| 2 | Tổ KHXH | 41 | Vũ Thị Diệu |  |
| 3 | Tổ Văn phòng | 13 | Nguyễn Thị Thùy Trang |  |

- Đánh giá về trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ CB, GV, NV: 98.72 % CBQL, GV, NV có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn. Trong đó trên chuẩn 04 chiếm 4,76 % ; chưa đạt chuẩn 01 chiếm 1.28%.

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤ T**

Công khai thông tin về CSVC của Trường THCS Dương Nội năm học 2024 - 2025:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên phòng | Đơn vị tính | Số lượng | Đạt chuẩn |
|  | - Phòng học | Phòng | 34 | Đạt |
|  | - Phòng bộ môn Âm nhạc | Phòng | 01 | Đạt |
|  | - Phòng bộ môn Công nghệ. | Phòng | 0 | 0 |
|  | - Phòng Tin học | Phòng | 01 | Đạt |
|  | - Phòng học bộ môn ngoại ngữ | Phòng | 0 | 0 |
|  | - Phòng bộ môn Khoa học Tự nhiên | Phòng | 01 | Đạt |
|  | - Phòng bộ môn Khoa học Xã hội | Phòng | 0 | 0 |
|  | - Kho thiết bị dùng chung | Phòng | 01 | Đạt |
|  | - Phòng truyền thống | Phòng | 01 | Đạt |
|  | - Văn phòng nhà trường | Phòng | 01 | Đạt |
|  | - Phòng đoàn thể | Phòng | 0 | 0 |
|  | - Phòng Đội | Phòng | 01 | Đạt |
|  | - Phòng y tế | Phòng | 01 | Đạt |
|  | - Phòng Hiệu trưởng | Phòng | 01 | Đạt |
|  | - Phòng Phó Hiệu trưởng | Phòng | 02 | Đạt |
|  | - Phòng kế toán | Phòng | 01 | Đạt |
|  | - Phòng chức năng khác | Phòng | 0 | 0 |
|  | - Thư viện | Phòng | 01 | Đạt |
|  | - Kho đồ dùng thí nghiệm | Phòng | 01 | Đạt |
|  | - Nhà thể chất | Phòng | 0 | 0 |
|  | - Sân tập, sân chơi | m2 | 1500m2 | Đạt |
|  | - Tổng diện tích đất sử dụng | m2 | 4523.5m2 | Chưa đạt |
|  | - Phòng vệ sinh giáo viên và học sinh | Phòng | 30 | Đạt |
|  | - Phòng học khác | Phòng | 0 |  |

\* Đánh giá chung về tình hình cơ sở vật chất:

- Nhìn chung cơ sở vật chất của các lớp học tương đối đảm bảo, phục vụ tốt cho công tác dạy và học.

- Nhà trường còn thiếu nhà đa năng cho bộ môn giáo dục thể chất, không có chỗ để xe cho học sinh (học sinh phải để xe cách trường 300m trên đất mượn của dự án)

- Dãy phòng học khu nhà C (2 tầng) đang xuống cấp do tuổi đời đã gần 30 năm.

# IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

* Trường THCS Dương Nội đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GDĐT ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Dương Nội đã tự đánh giá chất lượng giáo dục để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.
* Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Phòng GDĐT; đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.
* Trường THCS Dương Nội đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá;
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá;
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá;
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng;
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí;
6. Viết báo cáo tự đánh giá;
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

* Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm các thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư chi Đoàn, các tổ trưởng chuyên môn, văn phòng, các đồng chí CBGVNV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.
* Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường. - Kết quả của quá trình tự đánh giá:

+ Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nền nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

+ Tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 3 và chuẩn quốc gia mức độ 2. Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để đón đoàn đánh giá ngoài về kiểm tra công nhận lại vào tháng 01/2027.

# V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Cam kết chất lượng giáo dục của Trường THCS Dương Nội năm học 2024 – 2025.

- Đối với học sinh

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Diễn giải | Khối 6  488 | | Khối 7  655 | | Khối 8  495 | | Khối 9  408 | | Toàn trường  2046 | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Số lớp tiên tiến | 11 | 100 | 14 | 100 | 11 | 100 | 9 | 100 | 45 | 100 |
| Số HS đạt KQHT Tốt | 170 | 35.0 | 265 | 40.5 | 198 | 40.0 | 140 | 34.5 | 775 | 37.87 |
| Số HS đạt KQ HT Khá | 187 | 38.5 | 258 | 39.5 | 177 | 35,9 | 167 | 41.0 | 789 | 38,5 |
| Số HS lên lớp thẳng (tốt nghiệp) | 483 | 99.0 | 647 | 98,8 | 489 | 98,8 | 408 | 100 | 2027 | 99,07 |
| Số HS lên lớp sau kiểm tra lại | 3 | 0.6 | 5 | 0.75 | 4 | 0.8 | 0 | 0 | 12 | 0.59 |
| Số HSG bộ môn cấp trường | 88 | 18.0 | 108 | 16.5 | 96 | 19.5 | 71 | 17,5 | 363 | 17.74 |
| Số HSG bộ môn cấp Quận | 20 | 4 | 26 | 4 | 17 | 3,5 | 14 | 3.5 | 77 | 3,76 |
| Số HSG bộ môn cấp TP | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0,2 | 4 | 0.2 |

- Kết quả xếp loại rèn luyện, học tập.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Diễn giải | Khối 6 | | Khối 7 | | Khối 8 | | Khối 9 | | Tổng | |
| SL | *%* | SL | *%* | SL | *%* | SL | *%* | SL | *%* |
| Kết quả rèn luyện: | | | | | | | | |  |  |
| Tốt | 412 | 84.5 | 557 | 85.0 | 423 | 85.5 | 367 | 90 | *1759* | *86,0* |
| Khá | 69 | 14.0 | 88 | 13.5 | 62 | 12.5 | 35 | 8,5 | *254* | *12,4* |
| Đạt | 6 | 1,3 | 10 | 1.5 | 9 | 1.8 | 6 | 1,5 | *31* | *1,5* |
| Chưa đạt | 1 | 0.2 | 0 | 0 | 1 | 0,2 | 0 | 0 | *2* | *0,1* |
| Kết quả học tập: | | | | | | |  |  |  |  |
| Tốt | 190 | 39 | 259 | 39,5 | 198 | 40,0 | 159 | 39 | *806* | *39,4* |
| Khá | 207 | 41,5 | 291 | 44,5 | 202 | 41,0 | 173 | 42,5 | *873* | *42,6* |
| Đạt | 86 | 18,5 | 95 | 14,5 | 85 | 17,0 | 76 | 18,5 | *342* | *16,8* |
| Chưa đạt | 5 | 1.0 | 10 | 1.5 | 10 | 2,0 | 0 | 0 | *25* | *1,2* |

\* Các chỉ tiêu khác:

- Tỷ lệ học sinh lớp 9 đỗ vào lớp 10 các trường THPT công lập trong và ngoài quận Hà Đông năm học 2024 - 2025 đạt 81% trở lên trên tổng số học sinh dự thi.

- Tỉ lệ học sinh đi học lớp 10 THPT tư thục và học các trường nghề 19% tổng số học sinh.

- Môn Toán đạt từ 6.44 trở lên (tăng so với năm trước 0,16 điểm)

- Môn Ngữ văn đạt từ 6,8 trở lên (tăng so với năm trước 0,08 điểm)

- Môn Tiếng Anh đạt từ 5.5 trở lên (tăng so với năm trước 0,26 điểm)

- Thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp Quận: 01 đạt giải ba

- Kết quả rèn luyện các môn học như sau:

| Môn | Trung bình trở lên | | Ghi chú |
| --- | --- | --- | --- |
| Học kỳ I | Học kỳ II |
| Toán | 83% | 84% |  |
| KHTN | 94% | 95% |  |
| Ngữ văn | 94% | 94% |  |
| Ngoại ngữ | 92% | 93% |  |
| Công nghệ | 98% | 99% |  |
| Tin học | 98% | 99% |  |
| Lịch sử và Địa lí | 97% | 99% |  |
| Giáo dục công dân | 100% | 100% |  |
| Các môn xếp loại | 100% | 100% |  |

- Chỉ tiêu đối với đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý:

+ Kết quả xếp loại giờ dạy (không tính 01 nhân viên thiết bị)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổ | TS | Xếp loại giờ dạy | | | | | | | |
| Giỏi | | Khá | | Đạt | | Chưa đạt | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| KHTN | 37 | 13 | 36,1% | 22 | 58,4 | 02 | 5,5 | 0 | 0 |
| KHXH | 41 | 14 | 34,0 | 23 | 56,5 | 4 | 9,75 | 0 | 0 |
| Tổng số | 77 | 27 | 35% | 45 | 58,5% | 5 | 6,5% | 0 | 0 |

+ Kết quả xếp loại hồ sơ, thực hiện quy chế chuyên môn.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổ | TS | Tốt |  | Khá |  | Đạt | | Chưa đạt | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Xếp loại hồ sơ | | | | | | | | | |
| KHTN | 37 | 23 | 59,5 | 15 | 40,5% | 0 | 0 | 0 | 0 |
| KHXH | 41 | 26 | 65,0 | 14 | 35,0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Văn phòng | 13 | 5 | 38,5 | 8 | 61,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | 91 | 53 | 58,8 | 37 | 41,2 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Xếp loại thực hiện quy chế | | | | | | | | | |
| KHTN | 37 | 23 | 63,8% | 13 | 36,2% | 0 | 0 | 0 | 0 |
| KHXH | 41 | 36 | *63,4* | 15 | *36,6* | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Văn phòng | 13 | 5 | 38,5 | 8 | 61,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | 91 | 64 | 71,1 | 34 | 28,9 | 0 | 0 | 0 | 0 |

+ Xếp loại chung chuyên môn

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổ | Tổng số | Xếp loại chung chuyên môn | | | | | | | |
| Tốt | | Khá | | Đạt | | Chưa đạt | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| KHTN | 37 | 13 | 35,1 | 22 | 59,4 | 02 | 5,5 | 0 | 0 |
| KHXH | 41 | 14 | 35,0 | 23 | 57,0 | 03 | 7,5 | 0 | 0 |
| Văn phòng | 13 | 5 | 38,5 | 8 | 61,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | 91 | 32 | 35,5 | 53 | 59,0 | 5 | 5,5 | 0 | 0 |

+ Xếp loại cán bộ, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp GV, chuẩn Hiệu trưởng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổ | Tổng số | Xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp | | | | | | | |
| Tốt | | Khá | | Đạt | | Chưa đạt | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| KHTN | 37 | 4 | 11,0 | 5 | 13,5 | 28 | 75,5 | 0 | 0 |
| KHXH | 41 | 4 | 10,0 | 6 | 15,0 | 30 | 75,0 | 0 | 0 |
| Tổng | 78 | 8 | 10,5 | 11 | 14,2 | 58 | 75,3 | 0 | 0 |

\* Chỉ tiêu thi đua, danh hiệu thi đua.

- Tập thể:

+ Chi bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Tập thể đạt: Tập thể Lao động tiên tiến.

+ Công đoàn vững mạnh cấp Quận.

+ Liên đội đạt danh hiệu tiên tiến.

+ Đơn vị tiên tiến TDTT cấp Quận.

+ Thư viện Đạt mức độ 1

+ Cơ quan văn hóa.

- Cá nhân:

+ Lao động tiên tiến: 52/52 đạt tỉ lệ 100%

+ Chiến sỹ thi đua cơ sở: 11/52 đạt tỉ lệ 21,2%.

\* Các chỉ tiêu khác:

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt việc rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tạo môi trường sống lành mạnh, đoàn kết.

- 100% GV tham gia đầy đủ các đợt sinh hoạt chuyên môn do ngành và trường tổ chức. Không có CBQL-GV-NV-NLĐ vi phạm kỷ luật. 100% CBQL-GV-NV-NLĐ thực hiện tốt các cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa và xây dựng “Trường học hạnh phúc”.

- 100% các buổi sinh hoạt chuyên môn các tổ chuyên môn thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học (NCBH). Các tổ chuyên môn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Giáo viên dạy giỏi cấp Quận: 03 GV (môn Tiếng Anh 01; KHTN: 01; HĐTN: 01), phấn đấu đạt 01 giải nhì, 02 giải ba.

- Sáng kiến kinh nghiện (SKKN) được Hội đồng Khoa học, SKKN cấp Quận công nhận: 11 SKKN.

- 20% CBQL-GV-NV xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- 100% CBQL-GV được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra hoạt động sư phạm: 02 lần/năm. 100% giáo viên được kiểm tra thường xuyên.

+ Kiểm tra chuyên đề các bộ phận: 01 lần/năm học

- Chuyên đề, Hội thảo, sinh hoạt chuyên môn theo NCBH:

+ Đối với tổ chuyên môn: Tổ chức chuyên đề ít nhất 01 lần/tổ chuyên môn/năm học.

+ Đối với nhóm chuyên môn: Tổ chức chuyên đề hoặc Hội thảo ít nhất 02 lần/năm học.

1. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của Trường THCS Dương Nội năm học 2023 – 2024

\* Kết quả rèn luyện (Khối 6,7,8) và xếp loại Hạnh kiểm (khối 9):

- *Khối 6,7,8*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | Tổng số HS | Kết quả rèn luyện | | | | | | | |
| Tốt | | Khá | | Đạt | | Chưa đạt | |
| SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) |
| 6 | 654 | 616 | 94.19 | 37 | 5.66 | 1 | 0.15 | 0 | 0 |
| 7 | 511 | 468 | 91.58 | 38 | 7.43 | 5 | 0.98 | 0 | 0 |
| 8 | 414 | 378 | 91,3 | 36 | 8.7 | 0 | 0 | 0 | 0 |

*- Khối 9:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | Tổng số HS | HẠNH KIỂM | | | | | | | | Ghi chú |
| Tốt | | Khá | | TB | | Yếu | |
| SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| 9 | 436 | 410 | *94,04* | 26 | *5,96* | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

\* Kết quả học tập (khối 6,7,8) và Xếp loại Học lực (khối 9):

- *Khối 6,7,8:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | Tổng số HS | Kết quả học tập | | | | | | | |
| Tốt | | Khá | | Đạt | | Chưa đạt | |
| SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) |
| Khối 6 | 654 | 342 | 52.29 | 204 | 31.19 | 99 | 15.14 | 9 | 1.38 |
| Khối 7 | 511 | 238 | 46.58 | 191 | 37.38 | 67 | 13,11 | 15 | 2,94 |
| Khối 8 | 414 | 174 | 42.03 | 153 | 33.02 | 91 | 21.98 | 4 | 0.97 |

*- Khối 9:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | Tổng số HS | HỌC LỰC | | | | | | | | | |
| Giỏi | | Khá | | TB | | Yếu | | Kém | |
| SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| 9 | 436 | 189 | 43.35 | 152 | 32.86 | 86 | 19.72 | 9 | 2.06 | 0 | 0 |

**\* Công tác thi học sinh giỏi cấp quận và thi GVDG các cấp.**

*Về công tác thi Học sinh giỏi:* Nhà trường có 20 đội tuyển học sinh giỏi từ lớp 6 đến lớp 9. Các đội tuyển học sinh giỏi được tổ chức bồi dưỡng ngay từ đầu năm học và tham dự các kỳ thi do các cấp tổ chức kết quả luôn năm sau cao hơn năm trước. Kết quả cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Cuộc thi | Tổng | Cấp Quận | | | | Cấp Thành phố | | | |
| Nhất | Nhì | Ba | KK | Nhất | Nhì | Ba | KK |
| 2023-2024 | Học sinh giỏi lớp 9 | 27 | 0 | 5 | 7 | 15 | 0 | 2 | 1 | 1 |
| Toán học Vioedu | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 |
| Giao lưu HSG 6,7,8 | 53 | 3 | 7 | 23 | 20 | Không tổ chức thi | | | |

* Kết quả thi Olympic Tiếng Anh cấp Thành phố

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TỔNG GIẢI | NHẤT | NHÌ | BA | KK |
| 01 | 0 | 1 | 0 | 0 |

***Về công tác thi giáo viên dạy giỏi (GVDG):***

Hàng năm nhà trường đều Phát động phong trào thi GVDG cấp trường và cấp giấy chứng nhận GVDG cho giáo viên. Căn cứ kết quả thi GVDG cấp trường nhà trường chọn cử giáo viên dự thi GVDG cấp quận. Trong năm học này nhà trường có 02 giáo viên dự thi GVDG cấp quận, kết quả đạt 02 giải (01 giải Nhì và 01 giải Ba).

\* Các giải pháp, mô hình giáo dục mới, đặc thù của nhà trường

*- Tên mô hình:* “**Mô hình dạy học môn Nghệ thuật theo phương pháp mới”.**

**-** *Nội dung:* Giúp học sinh hứng thú, đam mê với môn Nghệ thuật.

*- Các giải pháp:*

+ Sắp xếp phòng học mĩ thuật, âm nhạc riêng; phòng học có đủ diện tích theo quy định và được trang trí, sắp xếp, bố cục hợp lý, phù hợp với đặc điểm tâm lý của học sinh, có đủ trang thiết bị, tài liệu, vật liệu phục vụ dạy và học.

+ Khuyến khích các giáo viên tạo mọi điều kiện cho học sinh được vận dụng những nội dung, kiến thức của môn mĩ thuật, âm nhạc vào các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, trang trí trường lớp học, trưng bày các sản phẩm mĩ thuật và tích cực tham gia các cuộc thi do ngành, và các cấp tổ chức. Tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ nhân kỷ niệm các ngày lễ lơn như ngày 20/11; ngày 22/12; ngày 26/3; 19/5…

 + Khuyến khích giáo viên có thể dạy theo chủ đề, tiến hành nghiên cứu và lập kế hoạch giảng dạy, tổ chức các hoạt động Nghệ thuật (Âm nhạc & Mĩ thuật) theo tài liệu của Bộ GD&ĐT, lồng ghép với chương trình và sách giáo khoa hiện hành.

+ Hàng quý tổ chức hoặc tạo điều kiện cho giáo viên môn Nghệ thuật SHCM liên trường, liên cụm, theo đó cán bộ, giáo viên được tham gia học tập, chia sẻ và rút kinh nghiệm trong giảng dạy.

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

1. **Tình hình tài chính của đơn vị trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:**

**1.1. Các khoản thu phân theo:**

- Nguồn kinh phí:

+ Ngân sách nhà nước : 11.918.012.694 đ;

+ Học phí : 3.917.686.500 đ;

+ Thu khác : 3.406.376.000 đ.

* Loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): không.

**1.2. Các khoản chi phân theo:**

* Chi tiền lương và thu nhập : 11.868.000.000 đ;
* Chi cơ sở vật chất và dịch vụ : 3.500.699.194 đ;

- Chi hỗ trợ người học : ………………đ;

* Chi khác : 3.406.325.754 đ.

**2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.**

- Các khoản thu trong năm học 2024-2025:

+ Học phí: 155.000 đồng/1 học sinh/ 1 tháng x 09 tháng.

+ Thu dạy thêm, học thêm trong nhà trường: Thu theo hướng dẫn của Thông tư 17 và Quyết định 22.

- 6.000đ/tiếtvới lớp trên 40 HS

- 7.000đ/tiếtvới lớp từ 30 đến dưới 40 HS

- 9.000đ/tiếtvới lớp từ 20 đến dưới 30 HS

+ Dịch vụ nước uống học sinh: 16.000 đồng/1 học sinh/ 1 tháng x 09 tháng.

1. **Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bống đối với người học:** Thực hiện kịp thời và đúng theo quy định.
2. **Số dư các quỹ theo quy định, kế cả quỹ đặc thù (nếu có)** Số dư các quỹ theo quỹ theo quy định:

* Ngân sách nhà nước : 0 đ;

- Học phí : 576.373.463 đ;

* Thu khác : 95.861.746 đ.

**5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.**

Trên đây là báo cáo thường niên về việc công khai chất lượng giáo dục, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu, chi tài chính năm 2024 của Trường THCS Dương Nội năm học 2024-2025./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  *(Kí tên, đóng dấu)*  - Phòng GDĐT quận; (để b/c)  - Thông báo (niêm yết); (để công khai)  - Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  *(Kí tên, đóng dấu)*  **Hoàng Thị Thu Trinh** *(Kí tên, đóng dấu)* |